

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Tor)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	77.819
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	723
1	Thu ngân sách xã hưởng 100%	723
2	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.096
1	Thu bổ sung cân đối	68.518
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.578
III	Thu kết dư	-
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
V	Ghi thu quản lý qua ngân sách nhà nước	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	77.819
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	69.241
1	Chi đầu tư phát triển	500
2	Chi thường xuyên	66.660
3	Dự phòng ngân sách	2.081
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	8.578
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	8.578
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-
IV	Ghi chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán xã giao năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã hưởng
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	94.233	723
I	Thu nội địa	94.233	723
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	19.000	-
-	Thuế giá trị gia tăng	19.000	
-	Thuế tài nguyên		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	25.000	-
-	Thuế giá trị gia tăng	20.970	
-	Thuế tài nguyên	30	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.000	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	33.177	-
-	Thuế giá trị gia tăng	23.547	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	510	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	
-	Thuế tài nguyên	9.090	
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.243	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	935	46
8	Thu phí, lệ phí	705	174
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.200	
12	Thu tiền sử dụng đất	5.000	500
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.880	
16	Thu khác ngân sách	1.093	3
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
18	Thu tại xã		
II	Ghi thu quản lý quan ngân sách nhà nước		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Tor)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách xã
A	B	3
	TỔNG CHI NSDP	77.819
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	69.241
I	Chi đầu tư phát triển (1)	500
1	Chi đầu tư cho các dự án	500
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	66.660
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	24.335
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	200
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	
V	Dự phòng ngân sách	2.081
VI	Ghi chi quản lý qua ngân sách nhà nước	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	8.578
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	8.578
II.1	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	5.344
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, xử lý nhà đất, bán tài sản công,... giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ;	3.041
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chỉ thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	878
3	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo đón tết năm 2025	
4	Đối ứng chương trình ,TQG xây dựng nông thôn mới	617
5	Ứng dụng khoa học công nghệ	100
6	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	574
7	Kinh phí tiếp xúc cử tri	4
8	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	130
II.2	Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu	3.234
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	0
2	Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội	318
3	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	2.916
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	77.819
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	77.819
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	4.419
1	Chi đầu tư cho các dự án	500
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	500
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	3.919
II	Chi thường xuyên	71.319
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	27.414
2	Chi khoa học và công nghệ	300
3	Chi y tế, dân số và gia đình	
4	Chi văn hóa, thông tin, thể thao	2.087
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	396
6	Chi bảo vệ môi trường	875
7	Chi các hoạt động kinh tế	3.908
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.281
9	Chi bảo đảm xã hội	790
10	Chi an ninh - quốc phòng	4.563
11	Chi khác ngân sách	705
III	Dự phòng ngân sách	2.081
IV	Ghi chi quản lý qua ngân sách nhà nước	
V	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Tor)

Đơn vị:

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG (vốn TW)		
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	77.819	4.419	71.319	-	-	2.081	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	75.738	4.419	71.319	-	-	-	-	-	-	-
1	Đảng Ủy xã	6.462		6.462					-	-	-
2	Ủy ban MTQVN xã	3.794		3.794					-	-	-
3	Văn phòng HĐND - UBND xã	13.873		13.873					-	-	-
4	Trung tâm chính trị	379		379						-	-
5	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	981		981					-	-	-
6	Phòng Kinh tế	9.468	3.919	5.549					-	-	-
7	Phòng Văn hóa - xã hội	3.399		3.399					-	-	-
8	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích	376		376					-	-	-
9	Trung tâm văn hóa thể thao du lịch và truyền thông xã	2.483		2.483					-	-	-
10	Trường MN Hoa Mai	4.001		4.001					-	-	
11	Trường MN Tuổi Ngọc	2.321		2.321					-	-	
12	Trường MN Sơn Ca	1.443		1.443						-	-
13	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	9.655		9.655						-	-
14	Trường TH-THCS Nguyễn Du	6.399		6.399					-	-	-
15	Trường TH-THCS Nguyễn Sinh Sắc	2.503		2.503					-	-	-
16	Ngân sách xã	8.021	500	7.521						-	-
17	Công an xã	180		180					-	-	-
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)	-	-	-					-	-	-
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (1)	-	-	-					-	-	-
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.081	-	-			2.081		-	-	-
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-					-	-	-
VI	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)	-	-	-					-		
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-									

/CK-NSNN

: triệu đồng

[illegible]

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Tori)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	4.419	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.419	-	-	-	-	-
1	Phòng Kinh tế	3.919										3.919					
2	Ngân sách xã	500										500					

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Tor)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
	TỔNG SỐ	71.319	27.414	300	3.609	954	-	1.899	188	396	875	3.908	-	-	30.281	790	705
1	Đảng Ủy xã	6.462													6.462		
2	Ủy ban MTQVN xã	3.794													3.794		
3	Văn phòng HĐND - UBND xã	13.873			3.609	774									9.490		
4	Trung tâm chính trị	379	379														
5	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	981													981		
6	Phòng Kinh tế	5.549									790	2.517			2.242		
7	Phòng Văn hóa - xã hội	3.399	123	300											2.186	790	
8	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích	376									85	291					
9	Trung tâm văn hóa thể thao du lịch và truyền thông xã	2.483						1.899	188	396							
10	Trường MN Hoa Mai	4.001	4.001														
11	Trường MN Tuổi Ngọc	2.321	2.321														
12	Trường MN Sơn Ca	1.443	1.443														
13	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	9.655															
14	Trường TH-THCS Nguyễn Du	6.399	6.399														
15	Trường TH-THCS Nguyễn Sinh Sắc	2.503	2.503														
16	Ngân sách xã	7.521	590									1.100			5.126		705
17	Công an xã	180				180											

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Tori)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	77.819	TỔNG SỐ CHI	77.819
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	723	I. Chi đầu tư phát triển	4.419
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾		II. Chi thường xuyên	71.319
III. Thu bổ sung	77.096	III. Dự phòng	2.081
- Bổ sung cân đối	68.518		
- Bổ sung có mục tiêu	8.578		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi)
ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	171.329	77.819
I	Các khoản thu 100%	174	174
	Phí, lệ phí	174	174
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	94.059	549
-	Thuế giá trị gia tăng	63.517	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.510	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	
-	Thuế tài nguyên	9.120	
-	Lệ phí trước bạ	935	46
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
-	Thuế thu nhập cá nhân	1.243	
-	Thu phí và lệ phí	531	
-	Thu tiền sử dụng đất	5.000	500
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	2.200	
-	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản	5.880	
-	Thu khác	1.093	3
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.096	77.096
	- Thu bổ sung cân đối	68.518	68.518
	- Thu bổ sung có mục tiêu	8.578	8.578

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia To
 Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	77.819	4.419	73.400
	Trong đó	-		
1	Chi giáo dục-đào tạo	27.414		27.414
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	300		300
3	Chi y tế	-		
4	Chi văn hóa, thông tin, thể thao	2.087		2.087
5	Chi phát thanh, truyền thanh	396		396
6	Chi thể dục thể thao	-		
7	Chi bảo vệ môi trường	875		875
8	Chi các hoạt động kinh tế	8.327	4.419	3.908
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	30.281		30.281
10	Chi cho công tác xã hội	790		790
11	Chi Quốc phòng - An ninh	4.563		4.563
12	Chi khác	705		705
13	Dự phòng ngân sách	2.081		2.081

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán r	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm
TỔNG SỐ	-	-	-	-	-	500,00	-
1. Công trình chuyển tiếp	-	-	-	-	-	-	-
Trong đó: hoàn thành trong năm	-	-	-	-	-	-	-
2. Công trình khởi công mới	-	-	-	-	-	500,00	-
Trong đó: hoàn thành trong năm	-	-	-	-	-	500,00	-

Ia Tôi)

Đơn vị: 1000 đồng

năm 2025	
Chia theo nguồn	
Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
500,00	-
-	-
-	-
500,00	-
500,00	-